

Bản án số: 31/2024/DSST

Ngày: 06/9/2024

“ V/v Tranh chấp
Hợp đồng đặt cọc ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH - BÌNH THUẬN

-Với T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Việt

Bà Phạm Thị Bích Lệ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bá Văn Nhân, Thư ký Tòa án huyện Bắc Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Thủy, Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2023/TLST- DS ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990; có mặt

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn S, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và L1 ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị H– sinh năm 1990 Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận thuộc Công ty TNHH Luật FiFan Việt Nam; vắng mặt

Bị đơn: Ông Ngô Tấn T1, sinh năm 1960; có mặt

Địa chỉ: Khu phố U, thị trấn S, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền L1, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; có mặt

2/ Bà Ngô Thị T2, sinh năm 1982; vắng mặt

5/ Bà Ngô Thị H1, sinh năm 1983; vắng mặt

3/ Ông Ngô Tấn H2, sinh năm 1985; có mặt

4/ Ngô Tấn L1, sinh năm 1989; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Khu phố U, thị trấn S, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Ông L1, bà T2 và bà H1 uỷ quyền cho Nguyễn Thị N, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khu phố U, thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận

6/ Bà Trương Thị Hà, sinh năm 1989; vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Bà Hà uỷ quyền cho ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn S, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Người làm chứng:

- Ông Huỳnh Văn T3, sinh năm 1981; có mặt

Địa chỉ: Khu phố O, thị trấn S, huyện B, tỉnh Bình Thuận
 - Ông Liềng Vĩnh T4, sinh năm 1981; có mặt
 Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn S, huyện B, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 07/3/2023 và bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Qua giới thiệu ông được biết vợ chồng ông Ngô Tấn T1 và bà Nguyễn Thị N có nhu cầu bán đất và ông có nhu cầu mua nên đến gặp vợ chồng ông T1.

Ngày 21/9/2022, ông Ngô Tấn T1, bà Nguyễn Thị N là đại diện bên A với bên B là ông Nguyễn Ngọc T, có người làm chứng là ông Huỳnh Văn T3 ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 21 diện tích 15.562 m² đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng số AD 747979 ngày 14/4/2006 cấp cho hộ ông Ngô Tấn T1, đất tại khu Trũng L1, thôn Lương Bình, xã Lương Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đất trồng cây hàng năm khác, với giá 1.556.000.000 đồng, đặt cọc trước 150.000.000 đồng và thỏa thuận thời gian đặt cọc là 45 ngày từ ngày 21/09/2022 đến ngày 07/11/2022 hai bên tiến hành làm thủ tục chuyển nhượng và thanh toán số tiền còn lại là 1.350.000.000 đồng. Thỏa thuận là không lán ranh chồng sổ, bán theo diện tích sổ.

Bên A cam kết tài sản thuộc quyền sở hữu, có đầy đủ giấy tờ liên quan và cam kết tài sản này không có thừa kế gia đình, không có tranh chấp với bất kỳ cơ quan tổ chức nào. Sau khi hợp đồng được ký kết nếu quá thời hạn nêu trên bên A không bán, chuyển nhượng tài sản đặt cọc trên cho bên B thì bên A phải bồi thường cho bên B gấp 2 lần số tiền đã đặt cọc, nếu bên B không mua thì phải chịu mất tiền cọc. Có chữ ký của ông T, ông T1 và ông T3.

Sau khi đặt cọc kiểm tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phát hiện địa giới hành chính thay đổi, ông thông báo cho vợ chồng ông T1 đi xin trích lục bản đồ thửa đất tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Bắc Bình nhưng qua kiểm tra không có hồ sơ lưu nên không trích lục được bản đồ của thửa đất trên và hướng dẫn đến xã H2 T làm thủ tục thì được thông báo phải xác minh hiện trạng thửa đất, vì thửa đất hiện nay thuộc địa giới hành chính thôn Hồng Lâm, xã H2 T. Sau đó vợ chồng ông T1 bà N không chịu đi xác minh hiện trạng thửa đất để bổ túc hồ sơ chuyển nhượng cho ông, dù ông đã nhiều lần yêu cầu và hỗ trợ phương tiện đi lại. Quá thời hạn đặt cọc, ông yêu cầu vợ chồng ông T1 bà N thực hiện thủ tục chuyển nhượng thửa đất trên nhưng vợ chồng ông T1 bà N không đồng ý. Ông yêu cầu thanh toán lại tiền cọc cũng không trả, mặc dù ông đã nhiều lần liên hệ với ông T1, bà N cũng đã gia hạn cho ông T1 bà N thêm một thời gian để sắp xếp trả cọc cho ông nhưng không hợp tác. Giá đất hiện nay rất thấp nên gia đình ông T1 yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc thì ông không mua nữa. Yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/09/2022 và buộc ông Ngô Tấn T1 bà Nguyễn Thị N phải trả lại số tiền cọc 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/9/2022 giữa ông với vợ chồng ông T1, bà N và yêu cầu vợ chồng ông T1 phải trả lại cho ông số tiền là 120.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu

đồng) với lý do: Quá thời hạn trong hợp đồng đặt cọc hai bên không thực hiện được việc chuyển nhượng đất, đất có sự thay đổi địa giới và ông không muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc này.

Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Ngô Tấn T1 trình bày:

Do gia đình khó khăn nên vợ chồng ông có nhu cầu bán đất, qua giới thiệu gia đình biết ông Nguyễn Ngọc T người chuyên mua bán bất động sản có nhu cầu mua đất nên gặp nhau để thỏa thuận.

Ngày 21/9/2022 hai bên làm hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa số 27, tờ bản đồ số 21 diện tích 15.562 m² có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 747979 ngày 14/4/2006 cấp cho hộ ông Ngô Tấn T1, đất tại khu Trũng L1, thôn Lương Bình, xã Lương Sơn, huyện Bắc Bình, Bình Thuận, đất trồng cây hàng năm khác, với giá 1.556.000.000 đồng, đặt cọc trước 150.000.000 đồng. Vợ chồng ông có nhận 120.000.000 đồng ông T nói tiền còn 30.000.000 đồng. Thời hạn đặt cọc là 45 ngày kể từ ngày 21/9/2022 đến ngày 07/11/2022 khi nhận đủ tiền sẽ thực hiện việc chuyển nhượng.

Việc đất thay đổi địa giới hành chính thì ông T biết nên mới nói với vợ chồng ông đi đến xã H2 T để điều chỉnh. Trong thời hạn đặt cọc thì ông T có phối hợp để điều chỉnh tên do đất thay đổi địa giới hành chính tại xã H2 T đối với thửa số 27, tờ bản đồ số 21 diện tích 15.562 m². Đến Chi nhánh để xin trích lục bản đồ thửa đất nhưng chưa được. Khi hết thời gian trong hợp đồng đặt cọc do trở ngại nên có thỏa thuận cho thêm thời gian để thực hiện thủ tục và ông T cũng đồng ý. Đến tháng 12/2022 thì thực hiện xong việc điều chỉnh địa giới hành chính thửa số 27, tờ bản đồ số 21 diện tích 15.562 m² nhưng ông T không muốn nhận chuyển nhượng theo đặt cọc nữa mà nại lý do không trích lục được trong khi việc trích lục đất chuyển nhượng thì vẫn được cấp trích lục. Vợ chồng ông vẫn muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng với ông T, nếu ông T yêu cầu hủy hợp đồng thì vợ chồng ông đồng ý nhưng không đồng ý trả lại tiền đặt cọc cho ông T, vì không có lỗi.

Tại phiên tòa ông đồng ý hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/09/2022 ký với ông Nguyễn Ngọc T, không đồng ý trả lại số tiền cọc 120.000.000 đồng.

Người có quyền L1, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị N trình bày: Vợ chồng bà vẫn muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc ngày 21/9/2022 với ông T, nếu ông T yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc thì vợ chồng bà đồng ý nhưng không đồng ý trả lại tiền đặt cọc cho ông T, vì không có lỗi.

Bà Trương Thị Hà trình bày: Yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/9/2022 và yêu cầu vợ chồng ông T1 bà N phải trả lại cho vợ chồng bà số tiền cọc.

Bà Ngô Thị T2, bà Ngô Thị H2 và ông Ngô Tấn Hiệp trình bày: Đồng ý yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc ngày 21/9/2022 nhưng không đồng ý trả lại tiền đặt cọc cho ông T vì việc không thực hiện được theo đặt cọc không phải lỗi của vợ chồng ông T1 bà N.

Ông Ngô Tấn L1 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị N.

Vụ án không tiến hành H2 giải được nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét

xử theo luật định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 49, Điều 51 của BLTTDS năm 2015.

2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS năm 2015.

Bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS năm 2015.

Người có quyền L1, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 73 BLTTDS năm 2015.

Người làm chứng chấp hành đúng quy định Điều 77 BLTTDS năm 2015.

3. Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 328, Điều 422, khoản 5 Điều 427 Bộ luật dân sự; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/NĐ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về hủy hợp đồng đặt cọc ngày 21/9/2022, giữa ông Ngô Tấn T1 và ông Ngô Ngọc T, có người làm chứng là ông Huỳnh Văn T3 ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 21 được UBND huyện Bắc Bình cấp cho hộ ông Ngô Tấn T1 ngày 14/4/2006 số AD 747979 diện tích 15.562 m² địa chỉ khu Trũng L1, thôn Lương Bình, xã Lương Sơn, huyện Bắc Bình.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Ngô Tấn T1 và bà Nguyễn Thị N trả lại số tiền đặt cọc là 120.000.000 đồng.

- Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại: huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền L1, nghĩa vụ liên quan. Người bảo vệ quyền và L1 ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nguyên đơn đề nghị xét xử; những người liên quan vắng mặt cũng đã có văn bản ủy quyền nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, nguyên đơn và bị đơn đều khẳng định giữa hai bên có lập hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng thửa đất số 27, tờ bản đồ số 21, diện tích 15.562 m² có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 747979 ngày 14/4/2006 cấp cho hộ ông Ngô Tấn T1 nên xác định đây là việc kiện “Tranh chấp về hợp đồng đặt cọc” quan hệ trên được pháp luật dân sự điều chỉnh quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 21/9/2022 giữa ông Nguyễn Ngọc T và ông Ngô Tấn T1 có lập hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng thửa số 27, tờ bản đồ số 21 diện tích 15.562 m² có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 747979 ngày 14/4/2006 cấp cho hộ ông Ngô Tấn T1, đất tại khu Trũng L1, thôn Lương Bình, xã Lương Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đất trồng cây hàng năm khác, với giá 1.556.000.000 đồng, đặt cọc trước 150.000.000 đồng và thỏa thuận thời gian đặt cọc là 45 ngày từ ngày 21/09/2022 đến ngày 07/11/2022 hai bên tiến hành làm thủ tục chuyển nhượng và thanh toán số tiền còn lại là 1.350.000.000 đồng.

Hết thời hạn đặt cọc nhưng không thực hiện được việc chuyển nhượng.

Ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc ngày 21/9/2022 và yêu cầu vợ chồng ông Ngô Tấn T1 bà Nguyễn Thị N trả lại tiền cọc là 120.000.000 đồng với lý do quá thời hạn theo hợp đồng đặt cọc, đất thay đổi địa giới hành chính và ông không muốn thực hiện hợp đồng nữa vì giá đất tại địa phương hiện rất thấp.

Ông Ngô Tấn T1 đồng ý với yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc ngày 21/9/2022 của ông T nhưng không đồng ý với yêu cầu trả tiền cọc 120.000.000 đồng vì quá thời hạn theo hợp đồng đặt cọc là do đất thay đổi địa giới hành chính nên phải làm thủ tục điều chỉnh và ông T đã đồng ý cho thêm thời gian để thực hiện thủ tục, khi thực hiện xong thủ tục thì ông T lại không muốn nhận chuyển nhượng theo đặt cọc nữa nên vợ chồng ông không có lỗi.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc các bên đương sự xác lập hợp đồng đặt cọc là trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện thỏa thuận, thống nhất hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/09/2022, việc thỏa thuận không bị ai ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật nên công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/09/2022.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại số tiền cọc 120.000.000 đồng.

Nhận thấy hợp đồng có giá trị 1.556.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp cọc số tiền 150.000.000 đồng, số tiền này đồng thời là tiền cọc và tiền thực hiện hợp đồng. Trong số tiền cọc 150.000.000 đồng này thì bị đơn chỉ nhận số tiền 120.000.000 đồng còn 30.000.000 đồng là tiền hoa hồng. Quá trình thực hiện hợp đồng hai bên thống nhất là 45 ngày nhưng sau đó tiếp tục gia hạn mà không nêu cụ thể về mốc thời gian gia hạn.

Nguyên đơn cho rằng địa giới hành chính thay đổi bị đơn không chịu đi xác minh hiện trạng thửa đất để bổ túc hồ sơ chuyển nhượng dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu và hỗ trợ phương tiện đi lại nên lỗi là bị đơn.

Theo các tài liệu chứng cứ thu thập được tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bắc Bình và Ủy ban nhân dân xã H2 T xác định xác định: “Thửa số 27, tờ bản đồ số 21, diện tích 15.562 m² theo giấy chứng nhận đất số AD 747979 cấp ngày 14/4/2006 cho hộ ông Ngô Tấn T1 có địa chỉ khu Trũng L1, thôn Lương Bình, xã Lương Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận nay thuộc khu Trũng L1, thôn Hồng Lâm, xã H2 T, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, việc này do thay đổi địa giới hành chính và người sử dụng đất có nghĩa vụ đến Chi nhánh để thay đổi không ảnh hưởng đến quyền L1 của người sử dụng đất” và “Thửa đất này đủ điều kiện để chuyển nhượng”. Việc bị đơn đã thực hiện việc điều chỉnh địa giới hành chính theo yêu cầu và bị chậm không phải do lỗi bị đơn, bị đơn không vi phạm thỏa thuận chung của hợp đồng đặt cọc nhưng nguyên đơn không tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng do đó nguyên đơn có lỗi hoàn toàn và theo quy định của cam kết chung Hợp đồng đặt cọc thì nguyên đơn phải bị mất tiền cọc 120.000.000 đồng theo quy định khoản 5 Điều 427 Bộ luật dân sự.

Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại tiền cọc là 120.000.000 đồng.

Từ những chứng cứ trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của ông T là hủy hợp đồng đặt cọc ngày 21/9/2022 giữa ông T và vợ chồng ông T1 bà N không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc ông T1, bà N phải trả lại số tiền cọc 120.000.000 đồng.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hủy hợp đồng đặt cọc. Bị đơn thuộc trường hợp miễn án phí nhưng không có đơn xin miễn án phí.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu số tiền đặt cọc không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 328, Điều 422, khoản 5 Điều 427 Bộ luật dân sự; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công nhận sự thỏa thuận của Nguyễn Ngọc T và ông Ngô Tấn T1 về hủy hợp đồng đặt cọc ngày 21/9/2022 ký để chuyển nhượng quyền sử dụng đối với thửa số 27, tờ bản đồ số 21 diện tích 15.562 m² có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 747979 ngày 14/4/2006 do UBND huyện Bắc Bình cấp cho hộ ông Ngô Tấn T1,

đất tại khu Trũng L1, thôn Lương Bình, xã Lương Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T về việc yêu cầu ông Ngô Tấn T1, bà Nguyễn Thị N trả lại số tiền đặt cọc là 120.000.000 đồng.

Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T và ông Ngô Tấn T1 mỗi người phải nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc T phải nộp 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông T đã nộp 3.750.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002835 ngày 20/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình. Ông T tiếp tục nộp thêm 2.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền L1, nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS ND (tỉnh + huyện);
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- Lưu HS.

Thanh Nữ Kiều Oanh